

KIẾM NHẬT

Nguyễn Duy Chính



Một chút lịch sử

Cứ như định nghĩa của người Nhật thì vũ khí mà chúng ta gọi là kiếm Nhật được gọi dưới cái tên *katana* tức là đao (刀) theo chữ Hán nhưng thường được hiểu là trường kiếm (long sword). Ngoài *katana*, người Nhật cũng còn *tachi* (đại đao - 太刀) cũng là một loại kiếm dài, *wakizashi* (hiệp sai - 脇差) là một loại đoản kiếm, *aikuchi* (chùy thủ - 匕首) và *tanto* (đoản đao - 短刀) là những loại kiếm ngắn giống như dao găm.

Người Nhật đã có một truyền thống rèn kiếm lâu đời. Kiếm, Ngọc và Gương là ba bảo vật truyền quốc, được coi như biểu trưng của hoàng gia (imperial regalia), để tại đền ở Ise gần hoàng cung cũ ở cựu đô Nara cũng là những linh vật trong Thần Đạo (Shinto).

Ngay từ thời đại Kofun và Nara (300-794) đầu Công Nguyên, nước Nhật đã sử dụng kiếm. Những di vật đào được cho ta thấy thời kỳ này các kỵ sĩ đã mặc giáp và đeo gươm hay dao ngắn. Nhiều đền đài như Todaiji hay Kurama còn giữ những vũ khí cách đây mười mấy thế kỷ, hồi đó lưỡi kiếm thẳng và dài chừng 80 cm theo mẫu mực của Trung Hoa và Triều Tiên. Đến thế kỷ thứ VIII, đầu thế kỷ thứ IX người Nhật bắt đầu đúc kiếm có hình cong ở gần cán rồi dần dần cong hoàn toàn.

Thời kỳ này, cũng như nhiều dân tộc khác ở Á Đông, người Nhật chịu ảnh hưởng mạnh của văn hoá Trung Hoa, kinh đô Nara cũng được xây dựng theo khuôn mẫu của nhà Đường. Kinh tế phồn thịnh nên giao thương tăng trưởng mạnh mẽ, hàng năm người Nhật phải nhập cảng một số lượng lớn các loại hàng xa xỉ từ lục địa. Người ta còn tìm thấy một số kiếm do Trung Hoa chế tạo hiện giữ trong các đền đài bên cạnh những vũ khí chế tạo tại Nhật. Nghiên cứu về các di vật, các chuyên gia cho rằng thời kỳ đó, kỹ thuật rèn và mài kiếm của người Nhật đã lên đến một trình độ khá cao. Cuối thời kỳ này, người Nhật thiên đô từ Nara ra Kyoto.

Thời đại Heian sau đó (794-1185), nước Nhật bước vào một thời kỳ văn hoá khá rực rỡ. Đàn bà để tóc dài, nhuộm răng và mặc áo nhiều lớp. Nghệ thuật thư pháp phát triển và thời kỳ này còn để lại nhiều tác phẩm văn chương. Người Nhật cũng dần dần thoát ra khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa, kiến tạo một xã hội nhiều giai cấp trong đó giới hiệp sĩ (samurai), giới tăng binh (warrior monks) trở thành những lực lượng quan trọng được triều đình thuê mướn để bảo vệ lãnh thổ. Thanh kiếm không còn là một vũ khí mà đã trở thành một tác phẩm, vừa thanh tú vừa mỹ thuật. Sách vở còn ghi chép là muốn mài một thanh kiếm phải mất nhiều ngày đủ biết người Nhật thời đó đã nghiên cứu kỹ càng về cách làm sao có một vũ khí tốt.

Người ta cũng bắt đầu khắc tên và nơi chế tạo trên chuôi kiếm, hiệp sĩ cũng mang theo những thanh kiếm ngắn hơn để thay đổi. Ngoài kiếm nhiều loại chiến cụ khác cũng phát triển điển hình là cung tên, giáp trụ và nghệ thuật binh bị cũng đạt một tầm vóc mới. Cũng từ thời kỳ này, người Nhật tìm ra cách đúc kiếm nhiều lớp, nhiều phần như ta thấy ngày nay, tạo được những vân thớ (jihada) khác lạ được gọi dưới những tên như itame, masame, mokume, ayasugi. Những vân đó có khi giống như mắt gỗ nhưng cũng có khi uốn lượn như làn sóng. Thanh kiếm không còn là một vũ khí mà đã thành một tác phẩm mỹ thuật, và để đạt đến cao điểm của mỹ thuật thì ngành đúc kiếm phải ổn cố – người làm nghề rèn kiếm phải có đủ khách để sống được - nhưng đồng thời lại phải có nhu cầu - nghĩa là đất nước phải loạn ly - để thúc đẩy phát triển kỹ thuật và sáng tạo. Thời kỳ đó có cả hai tiêu chuẩn vì trong liên tiếp 500 năm, nước Nhật đánh với thổ dân phương Bắc (người Ainu), sau đó họ đánh lẫn nhau để giành quyền bá chủ.

Thời kỳ Kamakura (1185-1392) khởi đầu khi Hojo Yoshitoki lên làm *shogun* (tướng quân - 將軍) năm 1185. Vua Gotobain bị đánh bại phải lưu vong nơi đảo Oki dùng suốt quãng đời còn lại (20 năm) nghiên cứu cách đúc kiếm. Những thanh kiếm do chính tay ông rèn có đóng dấu hình hoa cúc là biểu hiệu của hoàng gia và ai được ban tặng loại kiếm này (kiku gosaku) đều coi là một vinh dự. Cũng từ nơi đây nhiều trường phái đúc kiếm tiếng tăm còn tồn tại đến ngày nay, trong đó có cả những cao thủ về nghề mài kiếm.

Đến thế kỷ thứ XIII, sau khi chinh phục được Trung Hoa, người Mông Cổ đem một hạm đội gồm 900 chiến thuyền tấn công Nhật Bản. Vũ khí ngắn của người Nhật bị cung tên của đối phương áp đảo, quân Nguyên bắn như mưa, tiến thoái theo nhịp trống và làm cho kỵ binh của Nhật kinh hoàng. Kiếm Nhật tuy sắc nhưng không hiệu quả vì địch dùng giáo dài và không thể đâm thủng được áo giáp của họ làm bằng da thuộc. Người Nhật chỉ thoát hiểm khi một trận giông bão bất ngờ khiến quân Mông Cổ bị thiệt hại nặng nề phải rút lui.

Bảy năm sau, nhà Nguyên lại đem 14 vạn quân sang nhưng lần này bị các hiệp sĩ dưới sự lãnh đạo của Hojo Tokimune chống trả mãnh liệt. Và lạ lùng thay, lại một cơn bão khác đánh chìm hạm đội Mông Cổ nên người Nhật cho rằng họ được thần linh phù trợ và gọi là Shimpu hay Kamikaze (thần phong). Suốt mấy chục năm sau đó, họ vẫn nơm nớp sợ bị tấn công và tâm lý sẵn sàng đã ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ thuật rèn kiếm cũng như chiến đấu.

Người Nhật chuyển sang sử dụng vũ khí dài, tương tự như đại đao gọi là *naginata* (trường đao - 長刀) và dùng bộ binh thay vì kỵ mã. Các thợ rèn các nơi kéo về Kamakura thuộc tỉnh Soshu và tìm ra được cách pha trộn thép mềm với thép cứng để làm lưỡi kiếm, vẫn sắc bén mà lại ít bị mẻ. Họ cũng tiêu chuẩn hoá chiều dài và cải thiện mũi kiếm để khi kiếm bị gãy vẫn có thể mài và dùng tiếp. Trước kia kiếm Nhật chỉ uốn cong nơi gần cán nay từ từ cong đều và cũng thuôn dần ra tới tận mũi. Người Nhật cũng chế tạo loại giáp trụ nhẹ hơn để bộ binh dễ di động, dễ phân tán đồng thời nghiên cứu cách dùng kiếm đánh xáp lá cà thay vì dùng cung bắn từ xa.

Thời đại Kamakura (1192-1333), nước Nhật có hai người thợ rèn kiếm nổi danh tên là Masamune và Muramasa.

Goro Masamune cho đến nay vẫn được coi là người “*tiền vô cổ nhân, hậu vô lai giả*” trong nghề đúc kiếm. Cũng như những chú kiếm sư trong truyện Tàu thời cổ, trước khi rèn một thanh kiếm, bao giờ ông cũng trai giới, cầu xin thần linh phù hộ và sau đó mặc lễ phục để làm việc. Người ta nói rằng ông rèn kiếm không còn là một công việc mà là một nghi lễ, thân tâm hợp nhất và tập trung toàn bộ tinh thần từ khi bắt đầu cho tới khi hoàn tất.

Muramasa cũng có tài như Masamune nhưng kiếm ông rèn lại được người đời coi như một vật bất tường, một loại vũ khí khát máu mặc dù có thể chặt đứt một chiếc mũ sắt như người ta bỏ một quả dưa. Nhiều người có thanh bảo kiếm trong tay lại không sao dứt được cái nghiệp sát nhân để rồi trở nên điên loạn, giết người không gớm tay rồi cuối cùng phải tự chọn cái chết cho chính mình.

Một huyền thoại vẫn được kể về các lưỡi kiếm của hai danh thủ này. Muốn biết kiếm của hai người khác nhau ra sao, người ta chỉ cần để hai thanh kiếm đó xuống một dòng nước chảy. Lá khô xuôi dòng khi gặp kiếm của Masamune sẽ tự động tránh ra, trái lại khi gặp kiếm của Muramasa sẽ bị hút vào và cắt ra làm đôi.

Thời kỳ kế tiếp nước Nhật chia thành hai gọi là Nam Bắc triều (Northern and Southern Courts) 1333-1393, hai bên nam bắc đánh lẫn nhau giống như thời Trịnh – Nguyễn phân tranh của ta. Thời kỳ này đánh dấu cao điểm của thuật đúc kiếm Soshu và mười đệ tử của Masamune nổi tiếng hơn cả. Lưỡi kiếm bây giờ dài đến 1 mét gọi là tachi và kiếm đúc cho đền đài có khi còn dài hơn. Kiếm dài có lợi thế cho người đi bộ và chiến đấu trong đêm tối nên thường đeo sau lưng và rút ngược lên qua vai.

Sang thời kỳ Muromachi (1392-1477), nước Nhật tái thống nhất và triều đại Ashikaga lại mở cửa giao thương với nhà Minh của Trung Hoa và nghệ thuật giao lưu qua lại giữa hai nước. Trà đạo, thuật cắm hoa, vườn cảnh và Phật học phát triển, các hiệp sĩ ai ai cũng nghiên cứu về Thiền. Nghệ thuật đánh kiếm hay Kiếm đạo (Kendo) chính là một dạng tu tập và mục tiêu tối hậu của người võ sĩ không phải là để thắng đối phương mà là tự thắng mình, có nghĩa là ngộ đạo.

Thế nhưng đến cuối đời Muromachi, nước Nhật lại đắm chìm trong binh lửa kéo dài cả trăm năm gọi là Sengoku Jidai (Chiến Quốc thời đại - 戦國時代), chính quyền trung ương không còn kiểm soát được các địa phương nữa nên nơi này đánh với nơi khác. Chiến sĩ chủ yếu là samurai và ashigaru (khinh binh) dùng giáo dài nên không ai dùng ngựa nữa. Nhu cầu đúc kiếm gia tăng thành thử thời kỳ này phẩm chất không còn tốt như các thời kỳ trước, được sản xuất hàng loạt để bán cho các lãnh chúa trang bị quân đội.

Cũng trong thời kỳ Muromachi, thói quen đeo hai kiếm trở nên thông dụng. Khi ra ngoài người ta đeo trường kiếm (katana) và đoản kiếm (wakizashi) nhưng khi ở trong nhà thì chỉ đeo đoản kiếm và được tháo ra đặt ngay cạnh giường khi đi ngủ. Đối với người võ sĩ, thanh kiếm là vật bất ly thân, không rời xa trong bất cứ trường hợp nào. Cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, ba lãnh chúa kế tiếp cai trị một đất nước thống nhất và lãnh chúa sau cùng là Ieyasu Tokugawa dời đô về Edo, nay là Tokyo.

Thời kỳ Edo (1603-1867) hay Tokugawa Shogunate đánh dấu một chuyển biến từ *koto* (cổ đao - 古刀) tức thời kỳ kiếm cũ sang thời kỳ *shinto* (tân đao - 新刀), thanh kiếm trước đây do các nghệ nhân chế tạo nay thành những phường tập trung trong các đô thị, các thợ rèn bị các lãnh chúa giám sát chặt chẽ. Thời kỳ này các võ sĩ được gọi dưới cái tên *ronin* (lãng nhân - 浪人) tương tự như các kiếm khách đời Xuân Thu – Chiến Quốc sống lang thang, không ai thu dụng, nhiều khi phóng túng thích thách đấu lẫn nhau. Chính vì thế nhà cầm quyền phải đưa ra một số tiêu chuẩn và hạn chế việc so tài. Kiếm không được dài quá 80 cm, cũng như bao kiếm không được nạm vàng ... Võ sĩ phải mặc trang phục riêng, đầu phải cạo đẵn trước, tóc buộc thành một cái đuôi ở sau và bao kiếm phải màu đen khi đi trong kinh thành.

Vào thế kỷ thứ XVII, người Nhật đi vào một chính sách bế quan toả cảng giống như nhiều quốc gia khác trong vùng Đông Á và cũng không thoát khỏi nhiều biến động xã hội. Thuật rèn kiếm cũng được khôi phục và nhiều người quay trở về phương pháp của thời Kamakura và Yoshino.

Cũng trong thời kỳ Edo, một bước ngoặt quan trọng khi người Nhật bỏ kiếm quay sang đúc súng rồi lại bỏ súng trở về với kiếm. Hiếm người trong chúng ta biết được rằng đã có thời người Nhật nổi danh về tài chế tạo đại bác và súng tay trong một thời gian khá dài – chừng 1 thế kỷ trong thời trung cổ. Trong cuốn *Inatomi Gun Manual* do Kawakami Mosuke soạn năm 1595, ấn hành năm 1607, có 32 hình vẽ ghi chép kỹ càng kỹ thuật sử dụng và tác xạ súng hoá mai (matchlock).¹

¹ Noel Perrin, *Giving Up the Gun – Japan's Reversion to the Sword, 1543-1879* 4th ed. (Boston: David R. Godine, Publisher, Inc., 2004) tr. 43. Chính chúa Nguyễn ở Đàng Trong cũng tìm cách thắt chặt bang giao với các thương nhân Nhật để học hỏi kỹ thuật và đặt mua súng ống. Theo tài liệu của Nhật thì chúa Sãi có gả một công chúa là Ngọc Khoa cho một thương gia người Nhật, chủ một thương điểm ở Hội An tên là Araki Shutaro (tên Việt Nguyễn Taro), hiệu là Hiên Hùng và một công chúa khác là Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp Chey Chetta năm 1620 (nhưng cả hai người sử nhà Nguyễn đều ghi là khuyết truyện). Vào thời đó, chúa Nguyễn đang cần

Có điều khẩu súng lại làm mất đi vẻ hiên ngang của người võ sĩ nên chẳng bao lâu, khẩu súng đã bị loại ra khỏi đời sống của người Nhật cho mãi đến khi họ bị người Âu Mỹ xâm lăng. Những người thợ rèn và đúc súng cũng bỏ nghề chuyên sang đúc kiếm.² Người Âu Châu đã vô cùng kinh ngạc khi thấy kiếm Nhật hơn hẳn các lưỡi kiếm của người Tây Ban Nha nổi tiếng ở Âu Châu. Bộ đại từ điển Britannica của Anh, in lần thứ 6, quyển 9 trang 37 viết là “*kiếm Nhật có thể chặt đứt một chiếc đinh lớn mà lưỡi kiếm không hề hấn gì*”³. Vào thế kỷ thứ XVII, đồng và sắt của Nhật được các quốc gia khác coi như hảo hạng và Nhật xuất cảng sang nhiều quốc gia khác. Người Nhật cũng bán khá nhiều kiếm cho Trung Quốc và trở thành một quốc gia sản xuất khí giới vào bậc nhất thế giới thời kỳ đó, cung cấp không những súng ống mà cả huấn luyện viên, cận vệ cho một số vua chúa trong vùng Đông Nam Á.

Trước thế kỷ thứ XVI, muốn có thép người ta thường dùng một thanh sắt, khoan lỗ rồi nhét than vào, sau đó nung và đập để cho than thấm vào sắt. Từ thế kỷ thứ XVI trở về sau, khi biết dùng ống thổi (bellows) để làm tăng nhiệt độ thì người ta có thể nấu chảy được sắt và việc luyện kim dễ dàng hơn.

Năm 1854, tàu Mỹ vào vịnh Tokyo ép người Nhật phải mở cửa cho họ buôn bán và người Nhật thấy rõ họ thua sút Tây phương xa về kỹ thuật, đưa đến những cải cách làm thay đổi hẳn quốc gia này.

Khi vua Minh Trị (Meiji) nắm quyền năm 1867, ông đưa ra chính sách canh tân, cấm đeo kiếm ngoài công cộng. Câu châm ngôn của thời kỳ đó là “*fukoku kyohei*” (phú quốc cường binh - 富國強兵) và Nhật Bản soạn hiến pháp, thành lập một cơ cấu đại nghị, tập trung quyền hành vào quốc gia đồng thời tước đoạt quyền hành của giới võ sĩ, đưa đến vụ bạo loạn Satsuma (Satsuma Rebellion) từ tháng 12 năm 1877 đến tháng 1 năm 1878. Số người theo đuổi nghề rèn kiếm giảm hẳn xuống, đa số thợ rèn chuyên sang các nghề đánh dao, kéo và đồ dùng kim loại, ngoại trừ một số ít được chính quyền thuê mướn để rèn kiếm cho hoàng gia hay các cơ quan quân sự. Mẫu kiếm của quân đội cũng khác với kiếm của võ sĩ và mang tính biểu tượng cho uy quyền hơn là sử dụng trong chiến đấu. Chính vì kiếm không còn thông dụng, thợ rèn chuyên nghề nên một số kỹ thuật thất truyền.

Sự hùng cường của nước Nhật cũng đưa họ vào nhiều cuộc chiến tranh chẳng hạn như chiến tranh Trung – Nhật (Sino – Japanese War 1894-95), Nga – Nhật (Russo – Japanese War 1904-05), đệ nhất thế chiến (1914-18) và Tây Bá Lợi Á (Siberian Intervention 1918-22). Nhu cầu rèn kiếm tuy tăng vọt lên vì các sĩ quan phải đeo nhưng lại được sản xuất hàng loạt (mass-produced), vật liệu dùng thép loại kém nên không có giá trị gì.

Vào cuối thế chiến thứ hai, có khoảng 900,000 quân nhân Nhật (trong số 4.5 triệu quân nhân) và khoảng 1.25 triệu thủy quân (trong số 2.5 triệu thủy binh) là sĩ quan được phép mang kiếm. Khi người Nhật bị Đồng Minh đánh bại trong thế chiến thứ 2, hơn một triệu thanh kiếm của sĩ quan Nhật bị tịch thu và phá hủy, chỉ một số ít được các nhà sưu tầm đem ra nước ngoài. Thế nhưng cũng chính vì thế mà người ngoại quốc mới chú ý đến kiếm Nhật.

Trong những năm gần đây, số nghệ nhân nổi tiếng trong lãnh vực này lại gia tăng và hiện tại, rèn kiếm không còn để chế tạo một món vũ khí mà là một nghệ thuật cổ truyền. Trên toàn thể nước Nhật hiện nay có khoảng 250 thợ đang hành nghề, mỗi năm sản xuất chừng 2000 thanh kiếm. Theo nhiều nhà chuyên môn, thuật đúc kiếm cổ đại đã thất truyền và người ta vẫn cố gắng để tìm tòi và khôi phục nhưng chưa thành công. Một bậc sư

mở rộng lãnh thổ và gia tăng sức mạnh để chống với chúa Trịnh nên hai cuộc hôn nhân này hẳn có mục tiêu chính trị và quân sự. Phan Khoang, *Việt Sử Xứ Đàng Trong* (Hà Nội: nxb Văn Học 2001) tr. 309-310. Chính vì thế chúa Nguyễn Hi Tông viết thư xin với Nhật Hoàng chỉ cho thuyền buôn đến xứ mình mà đừng đến Đàng Ngoài. (Phan Khoang, sdd tr. 413)

² Gwynne Dyer, *War* (New York: Crown Publishers, Inc., 1985) tr. 58

³ “*They are far superior to the Spanish blades so celebrated in Europe. A tolerably thick nail is easily cut in two without any damage to the edge*” (trích lại theo Noel Perrin trong *Giving Up the Gun* tr. 5)

về ngành đúc kiếm cuối thời đại Edo tên là Suishinshi Masahide có để lại di thư về kỹ năng đó nhưng chưa ai áp dụng được.

Rèn kiếm (kitaeru)

Kitaeru (forge; temper) được coi như một trong những truyền thống cần phải bảo tồn cùng với nhiều bộ môn nghệ thuật khác để duy trì tinh thần đặc thù của người Nhật. Lẽ dĩ nhiên rèn không phải nói về nghề thợ rèn một cách tổng quát mà là kỹ thuật rèn kiếm, một truyền thống lâu đời được coi trọng, vì thanh kiếm không phải chỉ là một món khí giới mà còn tượng trưng cho tinh thần cao thượng của võ sĩ đạo.

Thanh kiếm của người Nhật không phải chỉ là một lưỡi dao dài dùng làm vũ khí mà mang theo rất nhiều ý nghĩa. Trong quá trình chế tạo, người ta không những phải thử để xem nó có đủ sắc để xuyên qua nhiều lớp áo giáp bằng sắt mà có khi còn thí nghiệm ngay trên thân xác con người để coi có “ngọt” hay không? Trong một truyện ngắn của Nguyễn Tuân nhan đề *Chém Treo Ngành* (Vang Bóng Một Thời), nhà văn họ Nguyễn miêu tả cách tập luyện và khung cảnh một pháp trường thời phong kiến ở nước ta nhưng chỉ nhấn mạnh đến kỹ thuật chặt đầu tội nhân mà không thấy nói gì đến sự sắc bén của thanh gươm (một loại kiếm). Người Trung Hoa cũng như người Việt Nam cũng chú trọng đến kiếm nhưng quá lắm chúng ta chỉ coi như một kỹ năng cần điều luyện, trái lại người Nhật lại nâng thanh kiếm và cách sử dụng lên hàng “đạo” – Kiếm đạo, Kendo – và thanh kiếm gắn liền với sinh mạng và nhân cách của người hiệp sĩ (samurai).

Thanh kiếm cũng còn là một tác phẩm nghệ thuật, có một vị trí rất trang trọng trong nhà khiến dù cho người không tập võ hay không biết gì về kiếm thuật cũng hiểu ngay rằng đây không phải là một vật tầm thường. Nhiều người đã ví von sự rực rỡ của lưỡi kiếm như màu men bóng lộn của đồ sứ mà người Đông phương vẫn tự hào là có một không hai, là một đặc điểm của từng triều đại.

Hình dáng cũng như cách luyện kim đều tùy thuộc vào kỹ thuật rèn đúc (kitaeru), đường cong của thanh kiếm không khác gì nét mực trong thư pháp và hội họa thủy mặc, vẫn được coi như đỉnh cao của nghệ thuật ngày xưa. Nét bút có chỗ đậm, chỗ nhạt thì vân trên kiếm (texture) cũng thế và một người chuyên môn sành sỏi về kiếm thường cũng là một thư pháp gia. Kiếm Nhật được coi là độc đáo so với kiếm các quốc gia khác vì đường cong, vân khắc và nhất là cấu trúc của lưỡi thép. Ba đặc tính đó phối hợp để định giá cho thanh kiếm và tùy thuộc hoàn toàn vào “*tay nghề*” của nghệ nhân chứ không dựa vào bất cứ tiêu chuẩn nào khác. Trong khi kiếm Âu Châu chỉ là một lưỡi thép duy nhất, kiếm Nhật bao gồm lá thép, sắt non, và thép già, mỗi loại có hàm lượng carbon khác nhau. Lõi của thanh kiếm (shingane) được rèn bằng cách pha trộn giữa sắt thô với thép lá. Sau đó mới là vỏ bao bên ngoài (hadagane) cái lõi đó cũng bằng kỹ thuật trên nhưng dùng sắt non và thép lá. Vỏ bao có thể cần dát ra rồi gập lại 15 lần nhưng nếu nhiều hơn nữa có thể làm thép trở nên giòn và không đều. Lưỡi kiếm sau đó được chêm vào giữa những lớp vỏ bao, rèn cho thật liền lạc khít khao. Lớp vỏ mềm giúp cho cái lõi cứng ở bên trong, khiến cho lưỡi kiếm chịu được va chạm mạnh, dẻo dai hơn kiếm đúc theo kiểu Âu Tây.

Người Nhật cũng dùng phương pháp bao một lớp vỏ mềm bên ngoài để tạo nên những làn sóng trang điểm cho lưỡi kiếm. Khi ruột kiếm đã chèn vào giữa và hình dạng đã hoàn thành, một loại hợp chất đặc biệt gồm tro rom và bùn đỏ được trét lên trên mặt lưỡi kiếm rồi để cho khô. Sau đó người ta dùng một thanh tre để khắc lên lớp bùn những hoa văn rồi lại để vào trong lò nung tiếp, lấy ra khắc theo mẫu lên lưỡi kiếm để đến khi chà láng những hình vẽ đó sẽ hiện ra. Trong giai đoạn này lưỡi kiếm được bao bằng đất và tro kia phải nóng đến mức có “*màu của mặt trăng tháng 2 hay tháng 8*” (the colour of the moon in February or August)⁴. Lớp bùn đó chỗ dày chỗ mỏng, thường ở lưỡi kiếm mỏng nhất, các nơi khác dày hơn để khi nung lưỡi kiếm sẽ cứng mềm khác nhau tùy theo từng khu vực. Lưỡi thép, phần cứng nhất của thanh kiếm mà người ta gọi là *hamon* (ba văn - 波紋) có

⁴ Victor Harris, “Japanese Swords”, *Swords and Hilt Weapons* (New York: Barnes & Noble Books 1993) tr. 148-9

những hạt (grain) khác nhau gọi là *nie* (chữ - 煮) và *nioi* (huong - 香). *Nie* (boiling) tượng trưng cho tinh thần hùng dũng, cứng cỏi, *nioi* (visible fragrance) tượng trưng cho sự cao thượng, quý phái. Những hạt này có được do sự gập đi gập lại và cũng là một thứ dấu hiệu của mỗi trường phái vì mỗi phương pháp có những vân riêng. *Nioi* mắt thường không trông thấy, chỉ gợn lên một làn sương mỏng như giải Ngân Hà một đêm sao. Hạt *nie* thì to hơn, trông lâm tẩm như móc buổi sáng hay một chùm tinh tú. Những *ba vắn* (hamon) đó được đặt tên, hoặc mây, sóng biển, dãy núi, hoa ... cũng giống như người Trung Hoa đặt tên cho vân trên bảo kiếm của họ. Người thợ không phải chỉ đúc một thanh kiếm tốt mà còn làm sao cho mỹ thuật, đó mới thực là vấn đề.

Nét cong của thanh kiếm Nhật không phải chỉ do kỹ thuật rèn hay đập mà còn là một biểu trưng văn hoá xuất hiện trên nhiều công trình truyền thống khác, từ mái cong trên đền đài, chùa chiền, cung điện, kể cả thư pháp. Người Nhật vẫn cho rằng nếu đúc một thanh kiếm thẳng băng thì không những thô kệch mà còn quá thực dụng, không nói lên tính nghệ thuật của người võ sĩ. Chính vì thế, họ luôn luôn tạo những đường cong, uốn lên lượn xuống để biến một vũ khí chiến đấu thành một tác phẩm. Tiến trình rèn thép, các loại chất liệu trong mỗi giai đoạn đến nay vẫn còn là những bí mật nghề nghiệp không truyền ra ngoài và cũng là thước đo sự tài hoa, khéo léo cũng như “*tay nghề*” của các bậc sư.

Gió lạnh từ miền Tây Bá Lợi Á thổi xuống vùng Hokuriku báo hiệu mùa đông đã đến. Ít ra cũng có một người lại mong đợi ngọn gió bắc lạnh tê này vì đây chính thời gian trong năm để ông có thể đem hết tâm tư vào công việc. Người đó là Seiho Sumitani, sinh năm 1921, một “quốc thủ” trong nghệ thuật rèn kiếm. Cơ xưởng của ông ở Matsuto, một thành phố ở gần nơi biển Nhật Bản.

Lò rèn của Sumitani để đèn lò mờ, trần cao chỉ có một chiếc cửa sổ bé. Những làn khói xanh biếc từ đồng than gỗ thông lừng lờ bay lên, toả ra trong không khí trong khí gió lạnh thổi ù ù ở bên ngoài. Sumitani cúi tẩm thân mảnh khánh xuống đồng than gập ra một thanh thép nóng đỏ, gói trong giấy bản đã nhúng vào trong bùn trộn đất sét. Sau đó ông phủ toàn bộ lưỡi kiếm bằng tro rom để trở lại trong lò. Nước và tro khiến lưỡi thép không bị nóng quá và ố xít hoá, nghĩa là lưỡi kiếm sẽ bị mềm đi.

Sau ba mươi phút, lưỡi kiếm lại được rút ra khỏi lò. Sumitani đầu tiên đập bằng búa nhỏ, sau đó mới dùng búa lớn. Đập như thế sẽ làm cho lưỡi thép dài ra, tới khi đủ để ông dùng đục cắt ở giữa, gập đôi lại mà vẫn dài bằng lúc đầu. Tiến trình đó được lập đi lập lại, trọng lượng thanh sắt cũng giảm dần, từ nguyên thủy hơn 9 kilogram nay chỉ còn chưa đầy 1 kilogram ... Bao nhiêu tạp chất và carbon cũng theo đó mà đi. Phương thức rèn đó vốn dĩ là kỹ thuật bí truyền của người Nhật khiến cho họ có được những thanh kiếm tuyệt hảo. Trong khi làm việc, Sumitani luôn luôn phải quan sát kỹ càng màu sắc của cả thanh sắt đang nóng đỏ lẫn ngọn lửa trong lò để thêm bớt than cho được như ý. Để cho nhận xét của ông tinh tường hơn, Sumitani không dùng đèn huỳnh quang (superfluous lighting) trong lò rèn, vì dù chỉ một khuyết điểm nhỏ như sợi tóc ông cũng không bỏ qua và ông phải nhìn thấu tận “linh hồn” của cục thép.

Tinh mắt, nghị lực là chìa khoá của kỹ thuật này. Nếu không có những điều đó thì nghệ thuật cũng ra đi, thử thách mà tôi phải đối diện là làm sao rèn được thanh kiếm như mong muốn mà vẫn giữ được sức khoẻ tuyệt hảo.⁵

Tuy hiện nay Sumitani đã được coi như một “quốc bảo” trong nghề rèn kiếm, ông vẫn mơ ước làm sao có thể đạt đến cao đỉnh của thuật chú kiếm như thời kỳ giữa thế kỷ thứ XII. Mặc dầu ông biết rằng kỹ thuật của ông đã sắp xỉ tài nghệ người xưa nhưng vẫn còn một vài gút mắc chưa giải quyết được, một mắt xích nào đó bị đứt nên chưa đạt tới tuyệt nghệ như cổ nhân cách đây tám thế kỷ và những người sau

⁵ Ken Itsuki (ed.), *The Dawn of Tradition* (tuyển tập đặc biệt về Nhật Bản) Japan: Nissan Motor Co., Ltd., 1983) “*Good eyes and stamina are the key to this technology. Once they are gone so is the art, and the challenge is to create the sword desired while I am still in top health*” tr. 45

*ông vẫn phải cố làm sao vượt qua được khoảng cách đó. Ông tự hỏi với tuổi già đang kéo đến, liệu có còn thời gian để đi tận cuối con đường hay không?*⁶

Mài kiếm

Sáu trăm năm trước, Đặng Dung, một danh tướng đời Hậu Trần khi thấy cuộc chiến đấu chống quân Minh còn cam go mà tình hình ngày thêm bế tắc nên cảm thán mấy câu thơ:

THUẬT HOÀI

Đặng Dung

鄧容

世事悠悠奈老何

無窮天地入酣歌

時來屠釣成功易

事去英雄飲恨多

致主有懷扶地軸

洗兵無路挽天河

國讎未復頭先白

幾度龍泉帶月磨

Thế sự du du nại lão hà
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca
Thời lai đồ điều thành công dị
Sự khứ anh hùng âm hận đa
Trí chúa hữu hoài phò địa trục
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà
Quốc thù vị phục đầu tiên bạch
Kỷ độ Long Tuyền đai nguyệt ma

Bài thơ này đã có rất nhiều người dịch, người viết chỉ thoát ý thành mấy câu:

Tâm sự

⁶ The Dawns of Tradition, tr. 46

*Trăm năm lơ lửng trôi mau
Đất trời vô tận một màu tang thương
Gặp thời cờ quạt dương dương
Thất cơ đành chịu một trường đấng cay
Sơn hà những tưởng đắp xây
Ngò đầu lạc bước trắng tay nửa đời
Đêm nào mài kiếm trắng soi
Ngẩng lên tóc đã bạc rồi còn đâu*

Lẽ dĩ nhiên việc họ Đặng mài kiếm chỉ là một hành vi nung đúc ý chí đấu tranh chứ không coi công việc này như một tuyệt nghệ cần trau giồi. Việc mài kiếm của một nghĩa sĩ khác hẳn công việc mài lưỡi kiếm sau khi một danh thủ đã rèn xong.

Rèn kiếm mới chỉ là một chặng đường, tuy quan trọng nhưng không phải là hoàn bị mà còn nhiều công việc khác cũng cam go không kém. Những người sành sỏi nói rằng “*giá trị của một thanh kiếm bao gồm hai phần ngang nhau, rèn kiếm và mài kiếm*” (a sword’s value is determined in equal degrees by both its quality and the honing of the blade).

Nhiều người không đồng ý rằng công việc hoàn chỉnh thanh kiếm chỉ là mài cho sắc (sharpening) mà phải gọi là “*chà láng*” hay đánh bóng (polishing). Đánh bóng một thanh kiếm phải qua 13 giai đoạn, dùng 13 loại đá mài khác nhau và 13 động tác khác nhau và mất trung bình 120 giờ.

Kokei Ono (sinh năm 1912) cũng là một “*quốc thủ*” của ngành mài kiếm, sống thâm lặng ở một thành phố duyên hải ngoại thành Tokyo. Để mài một lưỡi kiếm, ông dùng sáu cục đá mài (whetstones) khác nhau, từ loại nhám xuống dần loại mịn hơn và sau cùng để đánh bóng. Trước khi mài, Ono phải nghiên cứu kỹ càng “*thớ*” (texture) và “*mẫu*” (pattern) của thanh kiếm, không phải cùng một lúc mà chỉ từng khoảng 3 cm một. Ông cho biết việc giữ sao cho tay phải và tay trái gần như cân bằng tuyệt đối (near-perfect balance) là một công tác sinh tử vì nếu hai tay chỉ lệch đi một khoảng khắc thì có thể hỏng luôn cả lưỡi kiếm. Ono cũng có thể đánh giá ngay được một người mài kiếm qua cách thức ngồi và sử dụng các loại đồ nghề.

Sau khi mài xong, Ono kẹp hai hòn đá mài mỏng dính trên đầu ngón tay và vuốt theo lưỡi kiếm để đánh bóng. Ông cầm ngang lưỡi kiếm để cho ánh nắng soi lên từng mili mét để kiểm soát công trình của mình lần cuối cùng.

*Không có hai thanh kiếm nào giống hệt nhau, mỗi thanh kiếm có hình dáng khác nhau và có những đặc tính khác nhau. Mài kiếm chính là làm sao cho thanh kiếm thể hiện được tối ưu cái “*tinh thần*” của nó, để hiển lộ cái “*tận mỹ*” của nó, để thoát ra cái “*huy hoàng*” của lưỡi thép đã hoàn thành.⁷*

Kiếm mài đúng cách mới có thể hiển hiện được hết tài năng của người rèn kiếm.

Bao kiếm

Một lưỡi kiếm dù quý đến đâu nếu không được lắp vào một cán kiếm thích hợp và để trong một bao kiếm đúng cách thì vẫn không thể nào gọi là hoàn toàn.

⁷ The Dawns of Tradition, tr. 47

Kazuyuki Takayama (sinh năm 1940) là người thừa kế một truyền thống lâu dài trong nghề làm bao kiếm. Sân sau nhà anh chất đầy các súc gỗ mộc lan (magnolia). Muốn làm một bao kiếm ông phải làm hai mảnh vừa khít theo đường cong của lưỡi kiếm rồi dán lại với nhau. Chất keo dán là một loại hồ nấu bằng gạo rồi nghiền cho nhuyễn bằng đũa tre. Người ta không dùng các loại super-glue vì e ngại sau này phải tách hai thanh gỗ ra trong trường hợp lưỡi kiếm bị sét và chỉ có hồ làm bằng gạo mới khỏi làm hư thanh gỗ.

Bí mật của cách làm bao kiếm là sao cho có cảm tưởng là bao và lưỡi khít khao từ đầu đến cuối nhưng thực ra chỉ tiếp xúc với nhau ở gần cán kiếm mà thôi và lưỡi kiếm không nơi nào quá chặt vì nếu không, độ ẩm của gỗ sẽ làm cho kiếm bị rỉ.

Một chuyên gia như Takayama thực ra không cần phải dùng keo bằng bột gạo vì ông đã đạt tới mức không bao giờ để cho lưỡi kiếm bị chạm vào bao và dĩ nhiên không cần phải tách bao kiếm ra để sửa. Việc dùng hồ bằng bột gạo chẳng qua chỉ là truyền thống mà thôi và chỉ nhấn mạnh đến yếu quyết của nghề làm bao kiếm. Tuy chỉ là một công nghệ giản dị như thế, việc làm bao kiếm đòi hỏi nghệ nhân dùng 15 loại bào (plane) khác nhau, to có, nhỏ có mỗi thứ một việc.⁸

Tsuba

Tsuba (sword guard) là miếng chặn tay cầm, phân cán kiếm và lưỡi kiếm ra làm 2 phần khác nhau, người Trung Hoa gọi là *kiếm cách* (劍隔). Tsuba cũng được coi là một nghệ phẩm và hiện nay cũng có nhiều người sưu tầm, nhiều miếng có giá cả rất cao. Tsuba được khoét ở giữa để tra lưỡi kiếm và để chặn cho kiếm của địch khỏi lướt vào tay mình. Tuy nhiên, người ta cũng trang trí bằng nhiều hình thức khác, cây cỏ, hoa lá, thú vật ... có ý nghĩa hay mang một nguyện vọng để được may mắn. Nguyên thủy, kiếm cách do thợ rèn kiếm hay thợ làm áo giáp sản xuất nhưng từ thế kỷ XVI trở về sau thì do những nghệ nhân thực hiện như một tác phẩm riêng biệt. Tsuba có thể bằng sắt thuần túy hay nạm vàng, bạc, đồng ...

Thử kiếm (tameshi-giri)

Để đối phó với sự sắc bén của thanh kiếm họ chế tạo được, người Nhật cũng đưa vấn đề che chở cho khỏi bị kiếm chém đứt thành một nghệ thuật khác. Đó là việc chế tạo một bộ áo giáp chắc chắn – bao gồm 12 món khác nhau, mặc vào rất công phu để bảo vệ tính mạng của võ sĩ. Tuy nhiên, đối với một thanh bảo kiếm trong tay một cao thủ về kiếm đạo thì bộ áo giáp kia không đủ hiệu quả. Chỉ một nhát kiếm, cả người lẫn giáp có thể xẻ làm hai.

Những thanh bảo kiếm thực sự đều là của gia bảo truyền từ đời nọ sang đời kia, tham dự trong hết trận đánh này đến trận đánh khác. Những thanh kiếm đó đã được thử bằng chính sinh mạng con người. Tuy nhiên, trước khi được dùng để chiến đấu, kiếm Nhật sau khi hoàn tất phải được thử, thường là với một người bù nhìn làm bằng rơm. Nếu thanh kiếm có thể chặt đứt được một bó rơm, người ta sẽ thử tiếp trên thân người, thường là dùng một xác chết. Xác người được treo lên theo nhiều kiểu khác nhau để thử kiếm theo đủ mọi hướng, đủ mọi kiểu, mọi đòn. Cũng có khi thanh kiếm được thử ngay trên những tử tội.

Có 16 chỗ trên thân người dùng để thí nghiệm, khó cắt nhất là chém ngang hông sao cho đứt cả hai xương đùi, dễ nhất là chém đứt cổ tay.⁹ Ngày hôm nay, những võ sư vẫn huấn luyện môn đồ phương pháp dùng kiếm để

⁸ The Dawns of Tradition, tr. 47

⁹ Jonathan Leornard, *Early Japan* (1968) tr. 79

chặt đứt những bó rom ướt, lõi bằng cọc tre. Mỗi ngày người võ sĩ phải tập hàng trăm lần cho thật nhuần nhuyễn.

Kiểm thử xong sẽ được các chuyên gia đánh giá và xếp hạng. Giòng họ nổi tiếng về thử kiếm là họ Yamada. Yamada Asaemon mỗi lần được mượn để thử kiếm đều yêu cầu đao phủ để ông dùng kiếm “*thử*” trên các tử tội, từ lúc chém đầu đến khi thử tiếp trên các bộ phận khác. Kết quả bao giờ cũng được ghi lại kỹ càng, có khi còn nạm bằng chữ vàng trên chuôi kiếm về một đặc tính nào đó. Vào thế kỷ thứ XVII, trước khi kiếm được bán ra đều thử trước và khắc lên như một thứ “*câu chứng tại toà*” về giá trị của vũ khí này.

Kết luận

Việc rèn một thanh kiếm đã được nâng lên thành một nghi lễ mang tính chất huyền bí. Người thợ rèn phải trai giới trong nhiều ngày, qua những thể thức thanh tẩy (ritual purification) và khi làm việc họ mặt một bộ đồ trắng như một thiền sư, đạo sĩ. Ngay từ thế kỷ XIII, kiếm Nhật đã nổi tiếng trên thế giới mà không nơi nào sánh kịp. Người Trung Hoa cũng nói đến bảo kiếm nhưng phần lớn chỉ là truyền thuyết và huyền thoại, chỉ nghe mà không thấy. Trái lại kiếm Nhật có thật và nhiều người đã bỏ một khoản tiền lớn để đặt hay mua. Theo những chuyên gia về luyện kim, mãi đến thế kỷ XIX, người Âu châu mới đủ trình độ để tạo được những hợp kim tốt như thép của Nhật trước đó 600 năm và cũng phần lớn là vì học hỏi được phương pháp của xứ Phù Tang.

Kiểm Nhật cũng nói lên một đặc tính riêng của dân tộc này, làm việc gì cũng muốn đến chỗ tận thiện, tận mỹ (zéro defect). Không biết bao nhiêu câu chuyện kỳ về thanh kiếm, từ cách rèn đúc đến những cuộc so tài mà sống chết chỉ trong nháy mắt, những gương trung dũng của đầy tớ trả thù cho chủ ... Gần đây nhất, sau thế chiến thứ hai, hàng trăm người dùng kiếm mổ bụng tự tử (*seppuku* hay *hara kiri*) sau khi nghe tin Nhật hoàng đầu hàng Đồng Minh. Quả là coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, đúng như tinh thần của người võ sĩ và hiểu được rằng giác ngộ mới thực là mục đích sau cùng của kiếm đạo, coi sự tử như sự sinh.

Phép đánh kiếm cũng không còn là một thuật mà được nâng lên hàng đạo. Vào cuối thế kỷ XIX, Yamaoka Tesshu (1836-88) thay đổi phương pháp huấn luyện cũ nặng phần xung sát bằng loại kiếm tre, mặc dù trình tự xem ra còn khó nhọc hơn cả phương pháp cũ. Phương pháp của ông được gọi là trường phái Muto Ryu (vô đầu long - 無頭龍) với chủ đạo là “*kiếm không phải là một vũ khí mà chỉ là một khái niệm trong đầu mà thôi*”.

Nơi ngôi đền Sengakuji ở Tokyo hiện nay còn 48 ngôi mộ, nơi an nghỉ của lãnh chúa Asano và 47 gia nhân trung thành. Asano bị một viên chức tên là Kira làm nhục tại một lâu đài ở Edo, đã rút kiếm đâm ông này. Theo luật triều đình, Asano phải bị tử hình bằng lối mổ bụng, tài sản bị tịch thu và gia nhân bị giải tán. Các gia nhân của ông nay tứ tán khắp nơi sống một cuộc đời bê tha, khiến Kira cho rằng họ không còn ý định trả thù nữa.

Trong một đêm tuyết rơi vào tháng 2 năm 1703, 47 người trong số tông viên của Asano đã tấn công vào lâu đài của Kira, giết ông này chặt đầu đem đến tế nơi mộ của chủ. Tuy mọi người đều cảm phục lòng trung dũng của họ nhưng theo luật họ phải tự mổ bụng vì đã giết một viên chức chính quyền. Những người đó được chôn chung một nơi với Asano và đến nay lúc nào cũng nghi ngút khói hương.¹⁰

Ngày nay, thanh kiếm không còn là một vũ khí, cũng chẳng mấy ai có ý định dùng kiếm để làm vật tùy thân. Thế nhưng người ta vẫn coi đó là một biểu tượng của danh dự, của tôn nghiêm và của một thuở huy hoàng trong lịch sử không phải chỉ cho một riêng ai mà cho cả một dân tộc.

Xuân Ất Dậu 2005

¹⁰ Victor Harris, sđd tr. 170

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-0-

1. Bottomley, I & A P Hopson. *Arms and Armor of the Samurai, The History of Weaponry in Ancient Japan*. New York: Crescent Books, 1996.
 2. Christie's Catalogue. *Japanese Prints, Screens, Swords, Tsuba, Netsuke, Metalwork, Ceramics, Lacquer and Inro*. London: Christie, Manson & Woods Ltd., 1995.
 3. Craig, Darrell. *IAI, The Art of Drawing The Sword*. Japan: Lotus Press Ltd., 1985.
 4. Dyer, Gwynne. *War*. New York: Crown Publishers, Inc., 1985.
 5. Earle, Joe (ed.). *Japanese Art and Design*. England: Victoria and Albert Museum, 1986.
 6. *Japan Style* (essays by Mitsukuni Yoshida, J.V. Earle, Masaru Katsumie, Jean-Pierre Lehmann) Tokyo: Kodansha International, 1980.
 7. Kapp, Leon and Hiroko, Yoshindo Yoshihara. *Modern Japanese Swords and Swordsmiths, From 1868 to the Present*. Tokyo: Kodansha International, 2002.
 8. Leonard, Jonathan Norton. *Early Japan*. Great Ages of Man – A History of the World's Cultures Series. New York: Time-Life Books, 1968.
 9. Nhiều tác giả. *Swords and Hilt Weapons*. New York: Barnes & Noble Books, 1993.
 10. Nissan Motor Co., Ltd. *The Dawns of Tradition*. Japan: Nissan Motor Co., Ltd., 1983.
 11. Phan Khoang. *Việt Sử Xứ Đàng Trong*. Hà Nội: nxb Văn Học, 2001.
 12. Random, Michel. *The Martial Arts – Swordmanship, Kendo, Aikido, Judo, Karate*. London: Peerage Books, 1985.
 13. Ratti, Oscar & Adele Westbrook. *Secrets of the Samurai, A Survey of the Martial Arts of Feudal Japan*. New Jersey: Castle Books, 1999.
 14. Tsuchiko, Tamio. *The New Generation of Japanese Swordsmiths* (trans. by Kenji Mishina) Tokyo: Kodansha International, 2001.
 15. Turnbull, Stephen. *Samurai Warlords, The Book of the Daimyo*. London: Artillery House, 1989.
-